Đôi điều khi dịch cuốn thơ "Hãy nhảy cùng em"...

Andrea Hoa Pham

Bài viết nhỏ này chia sẻ với bạn đọc vài câu chuyện xung quanh việc dịch tuyển tập thơ của Andrea Hoa Pham (AHP) và Lola Haskins (LH) xuất bản bằng hai thứ tiếng, Việt và Anh. Cuốn sách tập hợp bốn mươi bài thơ, phần lớn là những bài đã in của hai tác giả, sáng tác bằng tiếng mẹ đẻ của mỗi người. Có những bài chưa in bao giờ cuả AHP. Bài viết nói về những kinh nghiệm cá nhân, có thể giống hoặc không giống với những vấn đề mà các dịch giả khác gặp phải. Các giải pháp chọn chưa hẳn đã là các giải pháp duy nhất, hoặc tốt nhất.

Các bài thơ của hai tác giả được sắp xếp từng đôi theo đề tài. Một bài của AHP được tiếp theo ngay bằng một bài của LH. Hai tác giả gặp gỡ qua tách trà, ly cà phê, trao đổi làm việc trong nhiều giờ, nhiều buổi, để người này hiểu rõ ý người kia trong từng câu chữ trong nguyên tác. Thơ nguyên tác tiếng Anh của LH do AHP dịch sang tiếng Việt. Với thơ mình, AHP dịch từ nguyên tác tiếng Việt ra tiếng Anh. LH dựa trên bản dịch tiếng Anh đó mà hiệu đính, chỉnh lý. Bài này nói về vài vấn đề gặp phải khi dịch những bài thơ trong tập này, từ tiếng Việt sang tiếng Anh và ngược lại, do những khác biệt trong bề sâu văn hoá, trong cách diễn đạt, trong cấu trúc ngôn ngữ và cấu trúc câu thơ trong tiếng Việt và tiếng Anh. Vài khổ thơ hay bài thơ trong tập sẽ được dùng để minh hoạ những vấn đề nhắc đến trong bài viết.

Dịch văn xuôi đã là "phản", dịch thơ lại càng dễ phản. Hai tác giả quyết định việc trung thành tối đa với nguyên tác là quan trọng nhất. Khi dịch từ nguyên tác tiếng Anh sang tiếng Việt, trừ vài chỗ thêm hoặc bớt một hai từ cho gần gũi cách diễn đạt trong tiếng Việt và văn hoá Việt, thì không vì gò bó vào vần điệu hoặc niêm luật mà hi sinh ý tình, hi sinh cái chất riêng của tác giả trong việc chọn chi tiết và trình bày, hay cách sắp xếp các chi tiết trong bài thơ hoặc khổ thơ. Các bài thơ của LH trong tuyển tập này đều viết theo thể "thơ tự do" trong nguyên tác.

Trong khi thanh điệu, vần và số lượng âm tiết trong câu thơ là các yếu tố quan trọng hàng đầu trong việc tạo nhịp thơ và nhạc thơ Việt, bản dịch tiếng Anh những bài thơ nguyên tác tiếng Việt cũng hi sinh cả vần và nhạc thơ. LH không biết tiếng Việt, tiếng Anh lại là ngôn ngữ không có thanh điệu. Trừ vài thể loại quy định số lượng dòng, thì số lượng âm tiết mỗi dòng và số lượng dòng trong bài thơ tiếng Anh nói chung là khá tự do so với thơ tiếng Việt. Trong thơ tiếng Anh, trọng âm từ được dùng nhiều trong việc tạo nhịp và nhạc bằng việc sắp xếp luân phiên nhau giữa các âm tiết có trọng âm và không có trọng âm theo một mô hình (pattern) nào đó tuỳ tác giả. "Vần" trong thơ Anh cũng được chú trọng nhưng không gò bó chặt chẽ như thơ Việt. Phép lặp "alliteration", thường là lặp phụ âm đầu của mỗi âm tiết đầu tiên hay âm tiết có trọng âm, cũng được dùng để tạo nhịp và nhạc thơ, nhưng biểu ý vẫn là quan trọng nhất, cho nên hình thức thường phóng khoáng. Các bản dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh trong tập này cũng chỉ theo một thể loại là thơ tự do.

Tuy nhiên những bài thơ nguyên tác tiếng Anh chắc chắn có những chỗ du dương về nhạc điệu, về âm thanh mà độc giả người Việt, dù biết tiếng Anh, cũng có thể không có rung động như người bản ngữ. Wagner và McCurdy (2010) trong một thí nghiệm tâm lý về hiệu ứng của vần thơ trong tiếng Anh và tiếng Pháp cho thấy độc giả Anh và Pháp phản ứng khác nhau, thậm chí

trái ngược nhau về độ "thoả mãn" mà nhịp thơ cung cấp. Các tác giả cho rằng sự rung cảm khác nhau này liên quan đến các quy định về âm điệu ở cấp bậc lớn hơn từng âm rời (constraints on the prosody) trong mỗi ngôn ngữ.

Những bài thơ dịch từ nguyên tác Anh ngữ, trong khi cố gắng trung thành tối đa với nguyên tác, chỗ nào có thể tạo ra vần hay nhịp thì người dịch cũng không bỏ qua. Ví dụ như trong bài *The landscape of the piano* "Thắng cảnh cuả dương cầm", trong nguyên tác

…and the air between the strands of rain
sings of Birth and Love and Death

âm tiết cuối cuả hai dòng vần với nhau đối với thẩm âm của người Việt. Một từ có nguyên âm "ê", *rain* "mưa", một từ có nguyên âm "e", *death* "cái chết". Bản dịch chuyển sang tạo vần vắt giữa hai câu thơ: "đan" ở cuối câu đầu và "hát" ở đầu câu sau.

và không gian giữa các sợi mưa đan
hát lên sự sống, tình yêu, và cái chết

Việc đáp ứng những yêu cầu nghiêm nhặt của vần trong việc tạo nhịp thơ và nhạc thơ Việt đôi khi lại làm cho phần nghĩa nhẹ bớt ở những nơi cho phép. Và điều đó đến lượt nó, lại cho phép nhà nghệ sĩ sáng tạo từ (*lexical violation*). Những từ này, "none-formations", không tìm thấy trong tự điển, và thường chỉ được dùng một lần rồi thôi (Leach 1969), nhiều khi ngay cả tác giả cũng không giải thích được. Nghệ sĩ có thể sáng tác từ mới theo bất kỳ kiểu gì mà trí tưởng tượng cho phép, miễn không vi phạm nguyên tắc kết hợp của âm thanh trong âm tiết (phonotactics) của ngôn ngữ đó, chẳng hạn, *mlapn* không thể là một từ trong tiếng Anh, cũng như *hỏin* không thể là một từ trong tiếng Việt.

Trong "Bài thơ sinh nhật" cuả AHP

Mười năm mặn môi lòng đau lay lắt
Chợt nhốt lòng gió bão tiếng quỳnh tiêu

"tiếng quỳnh tiêu" là từ tác giả tự sáng tạo, nhưng người đọc cũng không ai thắc mắc. Vì có hoa quỳnh. Tiêu thì là một loại sáo, nên "tiếng quỳnh tiêu", trong cảm nhận của người đọc, có lẽ là âm thanh của một loại sáo nào đó. Điều đó không quan trọng, vì về mặt âm thanh, "quỳnh" và "tiêu" đều mang thanh bằng, "quỳnh tiêu" cho âm điệu phảng phất mơ mộng... nên chẳng ai buồn tra nghĩa nó làm gì. Sáng tạo từ hay hình ảnh liên tưởng, là một trong những thủ pháp tạo bất ngờ trong thơ. Tính chất đi chênh ra khỏi cái bình thường này trong thơ ca đẩy việc hiểu nghĩa của hình ảnh diễn đạt xuống hàng thứ yếu, mà cái quan trọng hơn, là *bản thân hình ảnh diễn đạt* (Levin 1965). Nhưng mặt khác, bản dịch tiếng Anh lại phải rõ ràng đâu ra đó người đọc mới hiểu ý. Vì vậy cả câu có chữ "tiếng quỳnh tiêu" đành bị lược bỏ trong bản dịch.

Cái khác biệt giữa cấu trúc ngôn ngữ thơ và ngôn ngữ bình thường, nhất là kết cấu ngữ pháp, lớn hơn trong tiếng Việt so với trong tiếng Anh. Thơ tiếng Anh câu cú thường rõ ràng, có chủ ngữ vị ngữ đầy đủ. Dù có "ý tại ngôn ngoại", hoặc đôi khi lược một thành phần câu, thì câu cú trong bản dịch những bài thơ tiếng Anh thường cũng vẫn rõ ràng. Hiểu như thế nào là do cảm nhận của

người đọc. Đôi khi bài thơ càng ngắn càng khó dịch, vì không đủ ngữ cảnh để biểu đạt tâm tình gói gọn trong dăm ba câu. Có lẽ cũng như thơ Việt, càng súc tích cô đọng, càng phải diễn giải dài dòng khi dịch. Độ dài ngắn khác nhau giữa nguyên tác và bản dịch cuả các dòng thơ hay khổ thơ ở một số bài trong tập thơ này nói lên điều đó. Ẩn dụ hay liên tưởng là công cụ trung tâm của việc làm thơ, và thuộc loại những thứ khó dịch nhất, bất kể ở tiếng nào. Hoán dụ thì dù khác văn hoá cũng có thể hiểu được ít nhiều.

Trong nguyên tác tiếng Việt, bài "Đợi tàu" của AHP, nếu dịch sát nghĩa sang tiếng Anh

> Em vẽ tương lai, lều tranh... anh giễu
> Tim vàng đâu? Lọng anh che kiệu...

khi người đọc không lớn lên từ cái nền văn hoá của những "túp lều tranh hai trái tim vàng", "Lý con sáo", "Lý ngựa ô" với "lọng tía, kiệu vàng, lục lạc..." thì không hiểu được. Vì thế bản dịch chuyển ra ba câu cho rõ ý.

> *that I dream of the future, there will be a hut…*
> *You tease "where is your golden heart?*
> *Here is my sleigh to carry you off."*
>
> (em mơ về tương lai, có căn lều..
> Anh giễu "trái tim vàng của em đâu?
> Đây cỗ xe của anh để đưa em đi.")

Ấy là chưa kể "vẽ tương lai" và "hồi còi vang trong đêm giục giã.." còn liên quan đến lời một bài hát mà đôi trẻ ca lên buổi chiều hôm đó trong khi chờ tàu. Có những lớp liên hệ về nghĩa phải thường xuyên lược bỏ. Ở đây vai trò của LH, người nói tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ, với tầng sâu văn hoá, và hơn thế, với tư cách là một nhà thơ, là cần thiết, để xem lời dịch như vậy nghe có vừa "thuận tai" và "hiểu" được với độc giả nói tiếng Anh hay không, và có chất thơ không.

Trong bản dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt, tuy nguyên tắc là triệt để trung thành, cũng vẫn nhiều khi phải bỏ này thêm kia, chuyển hình ảnh, hay cách nói khác đi một chút, để phù hợp và dễ hiểu với văn hoá Việt, và mang hơi hướm vần điệu khả dĩ chấp nhận được với thẩm âm của người Việt.

Ví dụ trong bài *Scafell Pike* (Đường lên đỉnh Scafell), nguyên tác

...but sit down halfway
and weeps with the weight

được dịch thành

...nhưng nửa đường ngồi xuống
lau nước mắt

thì đủ ý và gần gũi với độc giả Việt hơn. Nếu dịch cả *with the weight* (*với sức nặng*), thì sẽ phải diễn giải dài dòng (sức nặng của cái gì?). Ở nguyên tác, có thể hiểu sức nặng đó là của bản thân, của những muộn phiền đa đoan, hay của nước mắt. Người đọc Việt sẽ tự liên hệ. Dịch hết sẽ làm câu thơ nặng nề, lủng củng, khó hiểu, nhất là đó lại là câu cuối bài thơ. Thêm nữa, trong nguyên tác, *weight* vần với *way* ở câu trên. Nguyên âm trong *weight* là nguyên âm đôi dòng trước, nên nghe êm đềm. Bản dịch khó đạt điều đó nếu khư khư giữ *with the weight*.

Hai bài thơ, một nguyên tác tiếng Anh, một nguyên tác tiếng Việt được trích dưới đây, minh hoạ cho vài vấn đề nêu trên. Bài thơ thứ nhất là "Chờ" của AHP, nguyên tắc tiếng Việt. Ai cũng biết trong tiếng Anh từ nhân xưng "đơn giản", ví dụ trường hợp của ngôi thứ nhất và thứ hai, *I* và *you*. Khi dịch từ Anh sang Việt, điều này đôi khi gây trở ngại, nhưng không nhiều lắm, vì tiếng Việt có kho từ đồ sộ phong phú dùng cho việc xưng hô. Tuỳ giọng điệu bài thơ mà cho *I* hay *you* là lời người con trai hay con gái. Nhưng những từ nhân xưng tiếng Việt đặc biệt, có thể đóng nhiều vai nghĩa, như "người" trong câu đầu của "Chờ", thì cũng khó có thể chuyển dịch sang tiếng Anh với cái gì khác hơn *you*. Ẩn dụ "xa chơi" trong câu thứ nhất cũng không thể dịch đơn giản ra tiếng Anh nếu văn hoá ấy không có câu thơ đã thành tâm hồn và tình tự Việt "*Ngày mai trong đám xuân xanh ấy, có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi*" (Hàn Mặc Tử), vì thế phải dịch trắng ra là *since I married* (từ khi tôi lấy chồng). Nếu "từ xa chơi" cứ đằng thằng lời một dịch sang, *Since I stop playing/attending parties*, v.v.. thì chẳng ai hiểu được, mà còn có thể thành chuyện tiếu lâm về dịch. Và "chút đời thiếu không?" thì *đời* là cái gì sâu hơn nhiều lần "something" (cái gì đó) trong bản dịch. Rồi những "Thôi chia nhau những điên cuồng" – cái nỗi ngậm ngùi trong từ *thôi* vì không còn dịp tâm tình với tri kỷ nữa thì chịu rồi, mà còn chịu mất tới hai lần vì phép lặp. Nhưng "những điên cuồng" - trăn trở về những hoài bão tưởng không thể thực hiện, thì khi dịch lại chuyển sang chuyện của tuổi sắp thành người lớn, *teen-age*, không thì người đọc không hiểu nổi sao người lớn lại rủ nhau...điên chung. Và nữa, "..ngày rớt những bình thường.." vì không ai muốn sống những ngày tháng bình thường/tầm thường nên phải là *rớt*, cũng không có chữ đắc địa để dịch, nên phải làm ngơ để không sa vào diễn giải dài dòng.
"Chờ", bài thơ nguyên tác tiếng Việt, và bản tiếng Anh, trần trụi chẻ hoe, mà "lỗi không phải của ai".

Chờ AHP	**Longing**
Từ xa người, từ xa chơi Người xa tôi, có chút đời thiếu không? Thôi chia nhau những điên cuồng Để ngày rớt những bình thường vu vơ Thôi chia nhau buổi dại khờ Đêm về không ngủ, nằm mơ trăng chiều Tình riêng ta cũng chung yêu Sao quanh tôi chỉ đìu hiu mong người?	Since I went away, since I married, Don't you feel you're missing something? We no longer share crazy, teen-age talks. The days pass through us, ordinary, without color. We no longer share the sillinesses that kept us awake at night, dazzled by the young moon. Even our most personal loves, we shared. It haunts me. How long must we be apart?

Bài thơ thứ hai dùng minh hoạ là "Katydid" của LH, nguyên tác tiếng Anh. Dịch các loại hoa, cây cỏ, hay các loại côn trùng sâu bọ cũng là một nỗi cân nhắc, vì tên gọi chúng dùng trong bài thơ, nơi nghĩa chính xác khoa học lùi xuống hàng thứ yếu, có thể là tên của một tiểu chi trong cả loài. Hơn nữa không phải những loại cây cỏ động vật nào ở Hoa Kỳ có thì Việt Nam cũng có, hay ngược lại. Chẳng hạn "hoa mua", phổ biến trên các ruộng đồng đồi núi Việt Nam, nhắc trong "Đợi tàu" cuả AHP, là một loại hoa gần giống hoa sim, không được biết đến ở Hoa Kỳ hoặc nếu có cũng thuộc hàng hiếm. Vì thế, nó đành được dịch là *pensées*, một loại hoa cánh màu tím. "Katydid" chỉ một loài côn trùng orthopteran, râu dài, thân thường là màu xanh lá. Con đực phát ra tiếng gáy bằng cách cọ xát một bộ phận đặc biệt ở phần trên của cánh vào nhau. *Katydid* chính xác là con cào cào hay châu chấu cũng không quan trọng ở đây, nhưng vẫn phải chọn ra một chữ để dùng. Vấn đề là chọn chữ theo tiêu chí nào. Với trường hợp *katydid*, điều thú vị là tên gọi khác nhau tuỳ vùng. Người Bắc gọi là *bọ muỗm* hay *muồm muỗm*, người Nam gọi là *vạc sành* (Thông tin do bạn bè, bà con ở Việt Nam cung cấp, và còn gởi Youtube clip để nghe tiếng gáy của nó –AHP xin trân trọng cảm ơn). Về nghĩa thì chọn từ nào cũng ổn. Nhưng về nhạc thơ thì *vạc sành* có nhiều lợi thế. Vần "uỗm" ít xuất hiện trong tiếng Việt và khó đọc, với thanh ngã gẫy và lên cao. *Vạc sành*, với hai thanh trầm thấp, nghe êm đềm du dương hơn (chính ra hai âm tiết *vạc sành* có thanh âm và chất giọng tương tự, vì thanh nặng trong *vạc* không có chất giọng kẹt, nghe rất gần thanh huyền trong *sành*). *Vạc sành Yucatán* như tiếng thì thầm, nghe êm tai hơn là *bọ muỗm Yucatán*, trong cả giọng Nam và giọng Bắc.

Theo nguyên tắc *coupling* trong thơ Anh (các tương ứng về mặt âm thanh hay hình ảnh), trong "Katydid, Yucatán", phụ âm đầu "b" trong *bosque* ở cuối dòng thứ nhất và trong *bright*, âm tiết thứ hai ở dòng kế tiếp, cũng được xem là một kiểu "vần", theo định nghĩa của Levin (Heller 1963). Và *again* ở cuối khổ thơ đầu vần với *when*, âm tiết cuối của dòng thơ kế. *Bosque* phái sinh từ tiếng Tây Ban Nha, chỉ những khu rừng đầm lầy thường thấy dọc đồng bằng cạnh sông ngòi phía Tây Nam Hoa Kỳ. *Deep in the tangled bosque* có thể dịch thành *Trong bùng nhùng đầm lầy*, nhạc nghe tạm ổn vì toàn thanh bằng, nhưng cuối cùng *rừng thẳm* được chọn để diễn tả ý *deep* (sâu). *Thẳm* bắt vần với *nhặt* ở câu thứ bốn của khổ thơ. Từ láy âm cũng được tận dụng khi có thể để tăng tính nhạc, ví dụ "bùng nhùng" (*tangled*) hay *đong đưa* được thêm vào. Nguyên tác chỉ nói là nằm trên võng. *Teroso*, mượn từ tiếng Tây Ban Nha, được chuyển sang từ Hán Việt, *tình nhân*, thay vì từ Việt là "người yêu", và in nghiêng như trong nguyên tác.

"Katydid, Yucatán" LH	Vạc sành Yucatán
Deep in the tangled *bosque* a bright yellow leaf calls out, over and over again.	Trong bùng nhùng rừng thẳm một chiếc lá vàng tươi kêu hoài, khoan nhặt
Sometimes, *tesoro*, when it's very late and we're lying in our hammock, every bone in my heart feels you dream.	Thi thoảng, *tình nhân* ơi, khi chiều muộn chúng ta nằm đong đưa trên võng, mỗi lóng xương trong tim anh thấu được giấc mơ em.

Khi dịch thơ, về mặt từ vựng, có từ khi dịch thì rơi vào "thừa", hoặc không được "thơ" lắm. Chẳng hạn trong bài *Will* "Di chúc" có câu *I will be the skin that stills the standing water*. Cả động từ *still* và tính từ *standing* đều có nghĩa "tĩnh, bất động, đứng yên". Câu dịch chỉ dùng nghĩa ấy một lần "Mẹ sẽ là làn váng giữ mặt hồ yên tĩnh". Tương tự, trong *Fermata* "Nốt lặng", khổ cuối trong nguyên tác

> *like the woman*
> *he hunts in every Paris street,*
> *who came to him like a dark wind*
> *from the south; the woman, Fermata.*

Gió thổi từ phương Nam, trong kinh nghiệm người Việt là gió lành. *Dark wind* nếu dịch thành "ngọn gió đen/tối" thì nặng nề, âm hưởng ma mị, nên từ *dark* bị lược bỏ.

> *Như người phụ nữ anh săn đuổi trên mọi nẻo đường Paris tráng lệ.*
> *Người đã đến với anh như ngọn gió thổi từ phương Nam; người đàn bà, Dấu Lặng.*

Còn rất nhiều những câu chuyện để chia sẻ, nhưng dù có trắc trở bao nhiêu, với những người dịch, việc suy ngẫm vật vã với những bài thơ trong hai thứ tiếng, hai nền văn hoá khác nhau, đem lại những niềm vui thật sâu sắc, như thể được phân thân, sống hai cuộc đời một lúc.

Tài liệu tham khảo

Heller, Louis G. (1963). Review "Linguistic Structures in Poetry" by Samuel R. Levin. *American Speech, 38:2*, pp. 137-140 published by Duke University Press.

Levin, Samuel R. (1965). Internal and External deviation in Poetry. *Word, 21:2*, pp. 225-237.

Wagner, Michael and Katherine McCurdy. (2010). Poetic Rhyme Reflects Cross-Linguistic Differences in Informative Structure. *Cognition 117:2*, pp. 166-75.

Trích "*Hãy nhảy cùng em – Dance with me*", 2018, p. 128-139. Nhà xuất bản Đà Nẵng.